TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2019
V/v tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **MÃ THANH TRUNG**
2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

* Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Bà **MAI THỊ ÚT** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 749/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thúy H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Trung T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Chị H có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Thúy H trình bày*:**

Năm 2011 chị và anh T quyết định tổ chức đám cưới, hôn nhân của chị và anh T được xây dựng trên cơ sở quen biết, chị và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T.

Quá trình chung sống giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, trong thời gian chung sống chị đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho anh T, mỗi lần chị trả nợ cho anh T thì anh T đều hứa hẹn và viết cam kết là sẽ thay đổi, chị không muốn gia đình tan vỡ và không muốn các con của chị thiếu thốn tình thương của cha mẹ nên chị đã cho anh T rất nhiều cơ hội để thay đổi thế nhưng không có kết quả, anh T không chịu thay đổi mà trái lại anh ngày càng lún sâu vào cờ bạc, đến khi không còn khả năng trả nợ thì anh bỏ mặc mẹ con chị ở nhà để trốn đi, đến nay chị không thể chịu đựng được nữa.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải không được: Chị đều trình bày có 02 con chung tên là Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 và Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014. Nhưng nay chị xác định có con chung với anh T chỉ có 01 con chung là cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 là con riêng của chị và chồng trước. Hiện cháu T do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị không thể duy trì cuộc hôn nhân vì giữa chị và anh T có quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Trung T. Về con chung chị yêu cầu được nuôi cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và lao động được. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Đoàn Trung T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thúy H, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T; yêu cầu được nuôi cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và lao động được; Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

- Anh T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thúy H. Về con chung: tiếp tục giao hai con chung là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008; cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3

năm 2014 cho chị H nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu T theo quy định pháp luật cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và lao động được. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị Phan Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

+ Anh Đoàn Trung T chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Thúy H và anh Đoàn Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, nên chị H xin ly hôn với anh T. Anh T đăng ký thường trú ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T. Vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh Đoàn Trung T là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh đã vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác định quá trình chung sống giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, trong thời gian chung sống chị đã nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho anh T, mỗi lần chị trả nợ cho anh T thì anh T đều hứa hẹn và viết cam kết là sẽ thay đổi, chị không muốn gia đình tan vỡ và không muốn các con của chị thiếu thốn tình thương của cha mẹ nên chị đã cho anh T rất nhiều cơ hội để thay đổi thế nhưng không có kết quả, anh T không chịu thay đổi mà trái lại anh ngày càng lún sâu vào cờ bạc, đến khi không còn khả năng trả nợ thì anh bỏ mặc mẹ con chị ở nhà để trốn đi. Nay chị không thể duy trì cuộc hôn nhân vì giữa chị và anh T có quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Trung T. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay nhưng anh T vẫn không có biện pháp nào thể hiện khả năng đoàn tụ của anh chị. Anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân

mâu thuẫn mà phía chị H đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần như anh T bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Như vậy anh mặc nhiên thừa nhận nguyên nhân chị H đưa ra là đúng. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Hường là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị H trình bày: Cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 là con riêng của chị với chồng trước của chị nhưng sau khi chị và anh T tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn, anh T và gia đình bên chồng chị vẫn xem cháu N như là con ruột giữa chị và anh T nên khi đăng ký khai sinh cho cháu N, chị và anh T đều thống nhất ghi thông tin trong giấy khai sinh của cháu N là con chung của chị và anh T. Trên cơ sở đó, UBND xã M, huyện C, tỉnh T đã cấp giấy khai sinh số 08/2008 quyển số 01/2008 ngày 15 tháng 5 năm 2014. Trong đó, xác định cha của cháu Nguyễn là anh Đoàn Trung T, sinh năm 1980; mẹ của cháu N là chị Phan Thị Thúy H, sinh năm 1982.

Mặc dù, chị H và Trưởng ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T (theo biên bản xác minh vào ngày 14/02/2019), ông Đoàn Văn L, sinh năm 1950 *(cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T)* là cha của anh Đoàn Trung T đều xác định trước khi đăng ký kết hôn với anh T, chị H đã có cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 là con riêng giữa chị H với chồng trước của chị H nhưng căn cứ vào giấy khai sinh số 08/2008 quyển số 01/2008 ngày 15 tháng 5 năm 2014 của cháu N do UBND xã M, huyện C, tỉnh T cấp đã ghi rõ họ tên cha mẹ của cháu N là anh Đoàn Trung T và chị Phan Thị Thúy H nên đã có đủ cơ sở xác định cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 là con chung của anh T và chị H. Trường hợp các đương sự có yêu cầu xác định cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 không phải là con của anh Đoàn Trung T thì có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Như vậy, anh T và chị H có hai con chung gồm: cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 và cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014, hai cháu đều hiện cho chị H nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị H yêu cầu được quyền nuôi cháu T, không có yêu cầu nuôi cháu N vì chị H xác định cháu N là con riêng giữa chị và chồng trước của chị nhưng để đảm bảo quyền lợi của cháu N, Hội đồng xét xử xét cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T ly thân đến nay do chị H nuôi dưỡng cháu N và cháu T; chị H hiện có công việc ổn định. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của hai cháu nên cần tiếp tục giao cháu N và cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật đối với cháu T cho đến khi cháu T tròn

18 tuổi và lao động được, không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chỉ xem xét trong phạm vi đơn khởi kiện của chị H, chỉ xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh T đối với cháu T. Trường hợp chị H nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N thì có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thanh T số tiền 695.000 đồng/tháng *(1/2 tháng lương cơ bản),* kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Đoàn Trung T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Thúy H được ly hôn với anh Đoàn Trung T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Đoàn Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 và cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2014 cho chị H nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thanh T số tiền 695.000 đồng/tháng *(1/2 tháng lương cơ bản)*, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh T có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí:

- Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09434 ngày 03/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như chị H đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Đoàn Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

Thành viên Hội đồng xét xử | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc . . . giờ . . . ngày 12/4/2019.
Tại: Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **MÃ THANH TRUNG**
2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

Tiến hành nghị án đối với vụ án vụ án dân sự thụ lý số 749/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thúy Hường**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đoàn Trung Trực**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết các vấn đề cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Thúy Hường được quyền ly hôn với anh Đoàn Trung Trực.

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Đoàn Minh Nguyễn, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 và cháu Đoàn Thanh Thoảng, sinh ngày 25

tháng 3 năm 2014 cho chị Hường nuôi dưỡng. Anh Trực phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thanh Thoảng số tiền 695.000 đồng/tháng *(1/2 tháng lương cơ bản)*, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Thoảng tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Kể từ ngày chị Hường có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trực chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh Trực có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

4. Về án phí:

- Chị Hường phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Hường đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09434 ngày 03/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè. Xem như chị Hường đã thi hành xong phần án phí.

- Anh Đoàn Trung Trực phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

5. Chị Hường có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trực có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 (100%)

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU